

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU HQ VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU HQ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HQ VIET NAM GLOBAL TRADING AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108663764

3. Ngày thành lập: 22/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 58, Ngõ 553 Đường Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác gỗ	0220(Chính)
2.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
3.	Khai thác thủy sản biển	0311
4.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
5.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
6.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
7.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
8.	Khai thác và thu gom than non	0520
9.	Khai thác quặng sắt	0710
10.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
11.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
14.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
15.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
16.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
17.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
18.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
19.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
20.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
21.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

22.	In ấn	1811
23.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
24.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
25.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
26.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
27.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
28.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
29.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
30.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
32.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
33.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
34.	Tái chế phế liệu	3830
35.	Xây dựng nhà để ở	4101
36.	Xây dựng nhà không để ở	4102
37.	Xây dựng công trình điện	4221
38.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
39.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
40.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự);	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
45.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
46.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
47.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
48.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
49.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
50.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
51.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
52.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610

54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
55.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
56.	Bán buôn thực phẩm	4632
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
59.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
60.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
61.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
62.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
65.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
66.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng)	4662
67.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

68.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
69.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
70.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
71.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
72.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
73.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
74.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
75.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
76.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
77.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
78.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
79.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
80.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
81.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

82.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
83.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
84.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
85.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
86.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
87.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
88.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
89.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
90.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
91.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi Vận tải hành khách bằng xe máy Vận tải hành khách bằng xe đạp	4931
92.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	4932
93.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
94.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
95.	Bốc xếp hàng hóa	5224
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Dịch vụ logistics	5229

97.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
98.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm	5820
99.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập Internet Đại lý dịch vụ viễn thông Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông; Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội (trừ hoạt động báo chí); Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp Kinh doanh trò chơi trên mạng; Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet; Kinh doanh sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin mạng;	6190
100.	Lập trình máy vi tính	6201
101.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
102.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử; Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu Đào tạo công nghệ thông tin - Dịch vụ quản trị, bảo quản, bảo trì hoạt động của phần mềm về hệ thống thông tin; - Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm tra chất lượng phần mềm; - Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; - Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm; - Dịch vụ tích hợp hệ thống; - Dịch vụ bảo đảm an toàn cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; - Dịch vụ phân phối, cung cấp sản phẩm phần mềm	6209
103.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
104.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
105.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: – Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; – Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
106.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
107.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622

108.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn và Quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
109.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết : Tư vấn thuế Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính, thông tin tài chính; Tư vấn kinh tế, tài chính, kế toán; Tư vấn quản lý, chuyển đổi và tái cơ cấu doanh nghiệp; Dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; Dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế theo quy định của pháp luật; Dịch vụ bồi dưỡng kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán;	6920
110.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
111.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm các dịch vụ tư vấn: Tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tư vấn chứng khoán và không bao gồm hoạt động của Công ty luật, văn phòng luật sư);	7020
112.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Kiểm định xây dựng Giám sát thi công xây dựng công trình Lập quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;	7110

	Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. ; Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.. Tư vấn đấu thầu; Tư vấn giám sát	
113.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
114.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
115.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
116.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
117.	Cho thuê xe có động cơ	7710
118.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
119.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
120.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
121.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
122.	Đại lý du lịch	7911
123.	Điều hành tua du lịch	7912
124.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
125.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
126.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
127.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

128.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
129.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
130.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
131.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
132.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
133.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
134.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Ủy thác mua bán hàng hóa;	8299
135.	Giáo dục nhà trẻ	8511
136.	Giáo dục mẫu giáo	8512
137.	Đào tạo sơ cấp	8531
138.	Đào tạo trung cấp	8532
139.	Đào tạo cao đẳng	8533
140.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về kỹ năng sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
141.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
142.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
143.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
144.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
145.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
146.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
147.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
148.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
149.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀNG ANH	Số 512-C10, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	8.000.000.000	88,889	013402226	
2	LÊ QUANG VINH	Phố Sỏi, Xã Tân Sỏi, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	1.000.000.000	11,111	121282707	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ QUANG VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/08/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121282707

Ngày cấp: 24/01/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phố Sỏi, Xã Tân Sỏi, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phố Sỏi, Xã Tân Sỏi, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội